PHẦN VĂN BẢN KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định chi tiết việc xét công nhận, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư

Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 9 năm 2009, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 30/2012/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2012.

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư (GS), phó giáo sư (PGS), cụ thể như sau:[1]

---

[1] Thông tư số 30/2012/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 20/2012/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của "Quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư" ban hành kèm theo Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư:"

Chương I
QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TRÌNH KHOA HỌC QUY ĐỔI, SỬ DỤNG THÀNH THẠO NGOẠI NGỮ, THÂM NIÊN ĐÀO TẠO

Điều 1. Các loại công trình khoa học quy đổi

1.[2] Các loại công trình khoa học quy đổi bao gồm: Bài báo khoa học đã được công bố; báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia, quốc tế; sách phục vụ đào tạo đã được xuất bản; chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu; hướng dẫn nghiên cứu sinh đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ.

Nội dung của các công trình khoa học quy đổi phải phù hợp với ngành khoa học mà ứng viên đăng kí để được xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư.

2. Chất lượng mỗi loại công trình khoa học quy đổi nêu tại khoản 1 Điều này được tính bằng điểm quy đổi.

3. Các công trình khoa học đã công bố có nội dung trùng lặp chỉ được tính điểm quy đổi một lần. Bài đăng báo và sách phổ biến khoa học, bản tóm tắt kết quả nghiên cứu, báo cáo tổng kết, nhận xét, đánh giá, dịch thuật không được tính là công trình khoa học quy đổi.

Điều 2. Bài báo khoa học đã được công bố

1. Bài báo khoa học đã được công bố bao gồm: bài báo khoa học đã được công bố trên tạp chí khoa học, báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế, kết quả ứng dụng khoa học, công nghệ.

Bài báo khoa học đã được công bố phải thể hiện rõ ý tưởng khoa học, tính thời sự của vấn đề nghiên cứu, tình hình nghiên cứu trong nước và quốc tế (nếu có), các nội dung cần thiết, những đóng góp chính về lý thuyết và ứng dụng; phương pháp, phương tiện nghiên cứu, nguồn tư liệu trích dẫn và tài liệu tham khảo.

2. Tính điểm quy đổi cho mỗi bài báo khoa học đã được công bố chủ yếu dựa vào chất lượng khoa học của chính bài báo, có tham khảo uy tín khoa học của tạp chí công bố bài báo khoa học đó. Mỗi bài báo khoa học được tính từ 0 đến 1 điểm; chỉ bài báo khoa học nào đặc biệt xuất sắc, đăng trên các tạp chí có uy tín khoa học hàng đầu ở trong nước và quốc tế mới có thể được tính đến 2 điểm.

Hội đồng Chức danh giáo sư (HĐCDGS) ngành, liên ngành đề nghị danh sách các tạp chí khoa học chuyên ngành được tính điểm, trình HĐCDGS nhà nước quyết định.

---

[2] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 30/2012/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2012.

3. Báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế được chọn đăng toàn văn trong tuyển tập công trình khoa học của hội thảo, có phản biện khoa học được tính từ 0 đến 1 điểm. Nếu tuyển tập công trình khoa học được công bố ở Việt Nam thì phải có giấy phép xuất bản.

4. Kết quả ứng dụng khoa học được cấp bằng phát minh, sáng chế; giải thưởng quốc gia, quốc tế về ngành kiến trúc, nếu chưa được tính điểm ở các công trình khoa học quy đổi khác thì được tính từ 0 đến 1 điểm; trong trường hợp đặc biệt xuất sắc thì có thể được tính đến 1,5 điểm. Nếu có nhiều tác giả thì số điểm được chia đều cho các tác giả.

5. Đối với các ngành nghệ thuật, thể dục thể thao, bài báo khoa học đã được công bố được tính điểm công trình khoa học quy đổi do HĐCDGS ngành, liên ngành đề nghị và HĐCDGS nhà nước xác định cụ thể phù hợp với từng ngành.

Điều 3. Sách phục vụ đào tạo đã được xuất bản

1. Sách phục vụ đào tạo đã được xuất bản được tính điểm công trình khoa học quy đổi là sách đáp ứng các tiêu chuẩn khoa học, tính sư phạm, đang được sử dụng để giảng dạy, giáo dục từ trình độ đại học trở lên, có nội dung phù hợp với chuyên ngành của ứng viên, đã được xuất bản và nộp lưu chiểu trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS, bao gồm:

a) Sách chuyên khảo là kết quả nghiên cứu chuyên sâu và tương đối toàn diện về một vấn đề khoa học chuyên ngành của ứng viên, được cơ sở giáo dục đại học (GDĐH) sử dụng để đào tạo từ trình độ đại học trở lên, được tính từ 0 đến 3 điểm;

b) Giáo trình là tài liệu giảng dạy, học tập phù hợp với chương trình GDĐH, được thủ trưởng cơ sở GDĐH duyệt, lựa chọn hoặc được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt được tính từ 0 đến 2 điểm;

c) Sách tham khảo là sách được cơ sở GDĐH dùng làm sách tham khảo cho giảng viên và người học, có nội dung phù hợp với chương trình GDĐH được tính từ 0 đến 1,5 điểm;

d) Sách hướng dẫn là sách được cơ sở GDĐH dùng làm tài liệu hướng dẫn người học vừa học vừa làm, học từ xa, tự học có hướng dẫn; tài liệu hướng dẫn thực tập môn học, tài liệu thực tập theo giáo trình, thực tập trong bệnh viện, thực tập trong cơ sở sản xuất được tính điểm công trình khoa học quy đổi từ 0 đến 1 điểm. Từ điển chuyên ngành được tính điểm như sách hướng dẫn.

2. Sách phục vụ đào tạo đã được xuất bản do tập thể biên soạn thì người chủ biên (nếu có) được tính 1/5 số điểm công trình đã được tính cho cuốn sách đó, 4/5 số điểm còn lại được chia theo giá trị đóng góp của từng người tham gia viết, kể cả người chủ biên nếu trực tiếp tham gia viết sách.

Điều 4. Chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu

1. Chủ nhiệm chương trình NCKH cấp nhà nước được tính điểm công trình khoa học quy đổi từ 0 đến 1,5 điểm; phó chủ nhiệm chương trình và thư ký mỗi người được tính điểm công trình khoa học quy đổi từ 0 đến 0,5 điểm.

2. Chủ nhiệm đề tài NCKH cấp nhà nước được tính điểm công trình khoa học quy đổi từ 0 đến 1,25 điểm.

3. Chủ nhiệm đề tài NCKH cấp bộ hoặc cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đề tài nhánh cấp nhà nước được tính điểm công trình khoa học quy đổi từ 0 đến 0,5 điểm.

4. Chủ nhiệm đề tài NCKH cấp cơ sở được tính điểm công trình khoa học quy đổi từ 0 đến 0,25 điểm.

5. Đề tài NCKH đối với các ngành khoa học cơ bản (đề tài nghiên cứu cơ bản) được công nhận như đề tài cấp bộ để tính điều kiện cần theo quy định tại khoản 4 Điều 9 và khoản 5 Điều 10 của Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg và không được tính điểm công trình khoa học quy đổi.

Điều 5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ

1.[3] Ứng viên được xác định là đã hoàn thành việc hướng dẫn nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, học viên bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ khi nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ hoặc đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ, học viên đã được cấp bằng thạc sĩ hoặc đã có quyết định cấp bằng thạc sĩ.

Nội dung khoa học của luận án, luận văn do ứng viên hướng dẫn phải phù hợp với ngành khoa học ứng viên đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư.

2. Chỉ tính điểm công trình khoa học quy đổi cho ứng viên hướng dẫn nghiên cứu sinh đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ. Hướng dẫn một nghiên cứu sinh đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ được tính 1 điểm. Nếu tập thể hướng dẫn thì người hướng dẫn chính được tính 2/3 điểm, người hướng dẫn phụ được tính 1/3 điểm. Nếu có từ 2 người hướng dẫn phụ trở lên thì số điểm 1/3 được chia đều cho những người hướng dẫn phụ.

3.[4] **(***Được bãi bỏ***)**

---

[3] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 30/2012/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2012.

[4] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 30/2012/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2012.

4. Ứng viên thuộc ngành Y, ngành Dược đã hướng dẫn chính thành công một bác sĩ chuyên khoa cấp II hoặc một dược sĩ chuyên khoa cấp II được xem là đủ điều kiện như đã hướng dẫn chính thành công một luận văn thạc sĩ và cần có đủ các minh chứng như quy định tại khoản 1 và 3 của Điều này.

5.[5] Ứng viên thuộc các ngành nghệ thuật chưa hướng dẫn nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, học viên bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ:

a) Nếu có công trình nghiên cứu, sáng tác được giải thưởng lớn ở trong nước hoặc ở nước ngoài hoặc đã trực tiếp hướng dẫn, huấn luyện chính cho sinh viên, học viên tham dự các kì thi quốc gia, quốc tế có uy tín đạt giải Nhất hoặc Huy chương Vàng thì được tính là đã hướng dẫn nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ;

b) Nếu đã trực tiếp hướng dẫn, huấn luyện chính cho sinh viên, học viên tham dự các kì thi quốc gia, quốc tế có uy tín đạt giải Nhì hoặc Huy chương Bạc thì được tính là đã hướng dẫn học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ;

c) Những công trình nghiên cứu, sáng tác được giải thưởng này nếu đã tính thay thế cho việc hướng dẫn học viên cao học và nghiên cứu sinh thì không được tính điểm công trình khoa học quy đổi.

Điều 6. Điểm công trình khoa học quy đổi để xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS

1.[6] Ứng viên là giảng viên thuộc biên chế của cơ sở giáo dục đại học phải có đủ 12 điểm công trình khoa học quy đổi trở lên, trong đó:

a) Có ít nhất 3 điểm được thực hiện trong ba năm cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ;

b) Có ít nhất 6 điểm tính từ các bài báo khoa học đã được công bố;

c) Có ít nhất 3 điểm tính từ việc biên soạn sách phục vụ đào tạo đã được xuất bản, trong đó có ít nhất 1,5 điểm tính từ biên soạn giáo trình hoặc/và sách chuyên khảo.

---

[5] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 30/2012/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2012.

[6] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 30/2012/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2012.

2.[7] Ứng viên là giảng viên thỉnh giảng của cơ sở giáo dục đại học phải có đủ 20 điểm công trình khoa học quy đổi trở lên, trong đó:

a) Có ít nhất 5 điểm được thực hiện trong ba năm cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ;

b) Có ít nhất 10 điểm tính từ các bài báo khoa học đã được công bố;

c) Có ít nhất 3 điểm tính từ việc biên soạn sách phục vụ đào tạo đã được xuất bản, trong đó có ít nhất 1,5 điểm tính từ biên soạn giáo trình hoặc/và sách chuyên khảo.

3.[8] Ứng viên thuộc các ngành Giáo dục, Tâm lý, Kinh tế, Luật, Ngôn ngữ, Quân sự, An ninh, Lịch sử, Khảo cổ, Dân tộc học, Triết học, Xã hội học, Chính trị học, Văn học, Văn hóa, Nghệ thuật, Thể dục Thể thao phải có ít nhất 01 sách chuyên khảo viết một mình và có 01 giáo trình vừa là chủ biên vừa tham gia viết.

4.[9] Ứng viên được quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 20/2012/QĐ-TTg ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ, có công trình khoa học, công nghệ đặc biệt xuất sắc đã được công bố và đánh giá cao, được tặng giải thưởng lớn ở trong nước hoặc ở nước ngoài, được Hội đồng Chức danh giáo sư cơ sở và Hội đồng Chức danh giáo sư ngành, liên ngành xét, trình Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước quyết định.

5.[10] Cán bộ nghiên cứu thuộc các viện nghiên cứu khoa học chưa đào tạo trình độ tiến sĩ, bác sĩ thuộc các bệnh viện và những người nguyên là giảng viên thuộc biên

---

[7] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 30/2012/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2012.

[8] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 30/2012/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2012.

[9] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 30/2012/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2012.

[10] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 30/2012/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2012.

chế của cơ sở giáo dục đại học có ít nhất 10 năm liên tục làm nhiệm vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên đến khi nghỉ hưu hoặc chuyển làm công tác khác chưa quá 3 năm, đang tham gia đào tạo đủ số giờ chuẩn, đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư được áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư này.

Điều 7. Điểm công trình khoa học quy đổi để xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh PGS

1.[11] Ứng viên là giảng viên thuộc biên chế của cơ sở giáo dục đại học phải có đủ 6 điểm công trình khoa học quy đổi trở lên, trong đó:

a) Có ít nhất 1,5 điểm được thực hiện trong ba năm cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ;

b) Có ít nhất 3 điểm tính từ các bài báo khoa học.

2.[12] Ứng viên là giảng viên thỉnh giảng của cơ sở giáo dục đại học phải có đủ 10 điểm công trình khoa học quy đổi trở lên, trong đó:

a) Có ít nhất 2,5 điểm được thực hiện trong ba năm cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ;

b) Có ít nhất 5,0 điểm tính từ các bài báo khoa học.

3.[13] Ứng viên được quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 20/2012/QĐ-TTg ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ, có công trình khoa học, công nghệ đặc biệt xuất sắc đã được công bố và đánh giá cao, được tặng giải thưởng lớn ở trong nước hoặc ở nước ngoài, được Hội đồng Chức danh giáo sư cơ sở và Hội đồng Chức danh giáo sư ngành xét, trình Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước quyết định.

---

[11] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 30/2012/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2012.

[12] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 30/2012/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2012.

[13] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 30/2012/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2012.

4.[14] Cán bộ nghiên cứu thuộc các viện nghiên cứu khoa học chưa đào tạo trình độ tiến sĩ, bác sĩ thuộc các bệnh viện và những người nguyên là giảng viên thuộc biên chế của cơ sở giáo dục đại học có ít nhất 10 năm liên tục làm nhiệm vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên đến khi nghỉ hưu hoặc chuyển làm công tác khác chưa quá 3 năm, đang tham gia đào tạo đủ số giờ chuẩn, đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư được áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 7 của Thông tư này.

Điều 8. Báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và đào tạo

Báo cáo kết quả NCKH, công nghệ và đào tạo do ứng viên viết không quá 10 trang giấy khổ A4 dưới dạng một công trình khoa học tổng quan, nêu lên những ý tưởng chủ yếu và hướng nghiên cứu chính, những đóng góp và kết quả nổi bật trong NCKH, công nghệ và đào tạo. Ứng viên lựa chọn và liệt kê tối đa 5 công trình khoa học tiêu biểu nhất của bản thân.

Điều 9. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ

1.[15] **(*Được bãi bỏ*).**

2. Ứng viên được công nhận là sử dụng thành thạo ngoại ngữ phải đọc hiểu được các tài liệu chuyên môn viết bằng ngoại ngữ, viết được các bài báo chuyên môn bằng ngoại ngữ và trao đổi (nghe, nói) về chuyên môn bằng ngoại ngữ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg.

3. Những trường hợp sau đây được công nhận sử dụng thành thạo ngoại ngữ:

a) Đã tốt nghiệp và được cấp bằng đại học hoặc bằng thạc sĩ ở nước ngoài, đã viết và bảo vệ luận án tiến sĩ bằng tiếng nước ngoài, có thời hạn không quá 5 năm tính từ khi được cấp bằng đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ;

b) Đã tốt nghiệp đại học ngoại ngữ và được cấp bằng cử nhân ngoại ngữ, thường xuyên sử dụng ngoại ngữ đó trong chuyên môn đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS;

c) Ứng viên đang giảng dạy chuyên môn bằng ngoại ngữ.

---

[14] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 30/2012/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2012.

[15] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 30/2012/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2012.

4. HĐCDGS cơ sở và HĐCDGS ngành, liên ngành tổ chức đánh giá trình độ ngoại ngữ của tất cả các ứng viên xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS không thuộc các trường hợp quy định ở khoản 3 Điều 9 của Thông tư này.

5. Trong trường hợp cần thiết, HĐCDGS ngành, liên ngành và HĐCDGS nhà nước có thể đánh giá lại trình độ ngoại ngữ của ứng viên xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS thuộc diện đã được công nhận là sử dụng thành thạo ngoại ngữ quy định tại khoản 3 Điều 9 của Thông tư này.

HĐCDGS cơ sở, HĐCDGS ngành, liên ngành có thể mời chuyên gia về ngoại ngữ giúp xác định điều kiện sử dụng thành thạo ngoại ngữ của ứng viên xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS.

Điều 10. Thâm niên đào tạo[16]

1. Đối với ứng viên là giảng viên thuộc biên chế của cơ sở giáo dục đại học:

a) Thâm niên đào tạo là thời gian làm nhiệm vụ giáo dục, giảng dạy từ trình độ đại học trở lên tại các cơ sở giáo dục đại học;

b) Trong từng năm học, ứng viên hoàn thành nhiệm vụ theo quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên tại Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 11 năm 2008, Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 12 năm 2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được tính 1 thâm niên đào tạo.

2. Đối với ứng viên là giảng viên thỉnh giảng:

a) Thâm niên đào tạo là thời gian trực tiếp giảng dạy trên lớp và thời gian hướng dẫn nghiên cứu sinh làm luận án tiến sĩ, hướng dẫn học viên làm luận văn thạc sĩ, hướng dẫn sinh viên làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp đại học;

b) Một thâm niên đào tạo đối với ứng viên đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư thực hiện đủ 190 giờ chuẩn, đối với ứng viên đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư thực hiện đủ 170 giờ chuẩn. Trong đó, tối thiểu phải có 50% số giờ chuẩn trực tiếp giảng dạy trên lớp.

3. Khi xác nhận thâm niên đào tạo cho ứng viên, Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học phải xác nhận rõ nhiệm vụ giao cho giảng viên thuộc biên chế và giảng viên thỉnh giảng, ghi rõ tên môn học, trình độ đào tạo, khối lượng giảng dạy, nhiệm vụ hướng dẫn luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp đại học, nhận xét về kết quả đào tạo gắn với thời gian làm nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên.

---

[16] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 30/2012/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2012.

4. Thời gian ứng viên làm chuyên gia giáo dục ở các cơ sở giáo dục đại học của nước ngoài được tính là thời gian giảng dạy, đào tạo nếu có công hàm hoặc hợp đồng mời giảng của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài, trong đó có ghi rõ nội dung công việc, thời gian giảng dạy tại trường hoặc có quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cử đi làm chuyên gia giáo dục ở nước ngoài.

Chương II
HỒ SƠ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GS, PGS, THẨM ĐỊNH VÀ QUẢN LÝ HỒ SƠ

Điều 11. Hồ sơ xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS

1. Bản đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS hoặc PGS.

2. Bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ, bằng tiến sĩ của ứng viên.

3. Bằng tốt nghiệp ngoại ngữ hoặc tài liệu minh chứng sử dụng thành thạo ngoại ngữ của ứng viên theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Thông tư này.

4. Quyết định phong, công nhận hoặc bổ nhiệm chức danh PGS, nếu ứng viên đăng ký xét chức danh GS.

5. Các quyết định giao nhiệm vụ hướng dẫn nghiên cứu sinh làm luận án tiến sĩ, học viên cao học làm luận văn thạc sĩ, bác sĩ, dược sĩ làm chuyên khoa cấp II và sinh viên làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp đại học.

6. Bằng tiến sĩ, bằng thạc sĩ, bằng chuyên khoa cấp II, bằng tốt nghiệp đại học của người học đã được cấp mà ứng viên được giao hướng dẫn.

7. Hợp đồng thỉnh giảng, bản nhận xét của thủ trưởng cơ sở GDĐH về kết quả đào tạo hoặc bản thanh lý hợp đồng thỉnh giảng đối với giảng viên thỉnh giảng; Quyết định nghỉ hưu đối với ứng viên là giảng viên thỉnh giảng đã nghỉ hưu.

8. Chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu, gồm: Quyết định hoặc hợp đồng giao thực hiện chương trình hoặc đề tài NCKH; Biên bản nghiệm thu đề tài; Báo cáo tóm tắt thực hiện đề tài của chủ nhiệm đề tài khi nghiệm thu.

9. Bằng phát minh, sáng chế và các tài liệu kèm theo.

10. Công hàm hoặc hợp đồng mời giảng dạy của cơ sở GDĐH nước ngoài có ghi rõ thời gian làm chuyên gia và Quyết định cử đi làm chuyên gia giáo dục ở nước ngoài của Bộ giáo dục và Đào tạo Việt Nam.

11. Bản báo cáo tổng quan kết quả NCKH, công nghệ và đào tạo.

12. Các bài báo khoa học đã được công bố, sách đã phục vụ đào tạo được xuất bản. Giấy chứng nhận mục đích sử dụng sách của thủ trưởng cơ sở GDĐH và biên bản thẩm định sách của Hội đồng thẩm định sách có thẩm quyền.

Chủ tịch HĐCDGS nhà nước xác định chi tiết mẫu hồ sơ đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS.

Điều 12. Chuẩn bị hồ sơ

1. Mỗi bộ hồ sơ xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS đóng thành 2 tập. Tập I gồm các tài liệu quy định từ khoản 1 đến khoản 11 Điều 11 của Thông tư này. Tập II gồm các bản chụp bài báo khoa học đã được công bố, sách phục vụ đào tạo đã được xuất bản quy định tại khoản 12 Điều 11 của Thông tư này.

2. Ứng viên tự đánh giá chất lượng khoa học các bài báo khoa học đã được công bố, sách phục vụ đào tạo đã được xuất bản và xếp theo trật tự từ cao xuống thấp, theo từng loại công trình, không xếp theo thứ tự thời gian.

3. Hồ sơ đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS được làm thành 3 bộ như nhau, in trên giấy khổ A4, đóng bìa, có mục lục và đánh số trang. Ngoài bìa mỗi bộ hồ sơ và bản đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS phải ghi rõ ngành, chuyên ngành, tên HĐCDGS đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS hoặc PGS.

4. Ứng viên phải chịu trách nhiệm về sự chuẩn xác của hồ sơ đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS và các văn bản sao chụp. Khi cần thiết, HĐCDGS nhà nước, HĐCDGS ngành, liên ngành, HĐCDGS cơ sở có thể yêu cầu ứng viên nộp bản chính hoặc tài liệu gốc các giấy tờ, văn bản trong hồ sơ đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS để đối chiếu.

Điều 13. Nộp hồ sơ xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS

1. Mỗi ứng viên nộp một bản đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS hoặc PGS kèm 2 ảnh 4 x 6; riêng ứng viên thuộc các cơ sở GDĐH không tổ chức HĐCDGS cơ sở và ứng viên là giảng viên thỉnh giảng nộp kèm theo một bì thư dán sẵn tem và ghi đầy đủ địa chỉ của ứng viên ở phần người nhận và đơn đề nghị được xét tại HĐCDGS cơ sở nào. Các tài liệu, văn bản trên nộp tại Văn phòng HĐCDGS nhà nước trước thời điểm hết hạn nộp hồ sơ 14 ngày.

2. Ứng viên là giảng viên thuộc biên chế của cơ sở GDĐH nộp 03 bộ hồ sơ xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS hoặc PGS tại HĐCDGS cơ sở của đơn vị mình theo đúng thời hạn đã quy định.

3. Ứng viên là giảng viên thuộc biên chế của cơ sở GDĐH không tổ chức HĐCDGS cơ sở và ứng viên là giảng viên thỉnh giảng nộp 03 bộ hồ sơ đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS hoặc PGS tại HĐCDGS cơ sở do Thường trực HĐCDGS nhà nước giới thiệu đến theo đúng thời hạn quy định.

Điều 14. Người thẩm định hồ sơ xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS

1. Người được chọn cử tham gia thẩm định hồ sơ xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS phải là GS, PGS có cùng ngành chuyên môn với ứng viên và có đủ tiêu chuẩn theo quy định của HĐCDGS nhà nước.

Ứng viên có thể đề xuất người thẩm định hồ sơ có chuyên ngành khoa học phù hợp với chuyên ngành của mình để HĐCDGS xem xét, chọn cử.

2. HĐCDGS có thể mời GS, PGS là người Việt Nam ở nước ngoài hoặc GS, PGS là người nước ngoài am hiểu lĩnh vực chuyên môn của ứng viên, có uy tín khoa học cao và phẩm chất tốt để thẩm định toàn phần hoặc từng phần mà các GS, PGS đó có điều kiện tham gia.

3. Việc chọn cử GS, PGS tham gia thẩm định hồ sơ đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS phải được giữ bí mật. Các GS, PGS được phân công thẩm định hồ sơ phải chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao, giữ bí mật nội dung nhiệm vụ đang thực hiện trong suốt quá trình tham gia xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS.

Điều 15. Quản lý hồ sơ xét công nhận đạt tiêu chuẩn và hồ sơ hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS

1. Chủ tịch HĐCDGS cơ sở chịu trách nhiệm quản lý hồ sơ, tổ chức kiểm tra sự đầy đủ và chính xác của các văn bản, giấy tờ, số liệu trong hồ sơ đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS nộp tại HĐCDGS cơ sở.

2. Hồ sơ của ứng viên xét công nhận đạt tiêu chuẩn, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS và các tài liệu có liên quan phải được HĐCDGS nhà nước, HĐCDGS ngành, liên ngành, HĐCDGS cơ sở lưu giữ, bảo quản an toàn, thuận tiện cho việc tìm hiểu, xem xét và thẩm định trong suốt quá trình xét công nhận đạt tiêu chuẩn, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS.

3. Tổng thư ký HĐCDGS nhà nước tổ chức quản lý và lưu giữ hồ sơ xét công nhận đạt tiêu chuẩn, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS tại Văn phòng HĐCDGS nhà nước.

Chương III
BÁO CÁO KẾT QUẢ XÉT ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ, PHÓ GIÁO SƯ; CÔNG NHẬN VÀ HỦY BỎ CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ, PHÓ GIÁO SƯ

Điều 16. Báo cáo kết quả xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS tại HĐCDGS cơ sở

1.[17] Chủ tịch Hội đồng Chức danh giáo sư cơ sở tổng hợp kết quả xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư, lấy xác nhận của Thủ trưởng

[17] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 30/2012/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2012.

cơ sở giáo dục đại học nơi có Hội đồng, công bố công khai kết quả xét đạt tiêu chuẩn chức danh.

Sau khi công bố công khai ít nhất 7 ngày làm việc, Chủ tịch Hội đồng Chức danh giáo sư cơ sở gửi báo cáo kết quả lên Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước và thông báo đến cơ quan chủ quản có thẩm quyền quản lý ứng viên.

2. Hồ sơ báo cáo kết quả xét công nhận đạt và không đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư tại Hội đồng Chức danh giáo sư cơ sở gồm:

a)[18] Công văn báo cáo về kết quả xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư của Hội đồng Chức danh giáo sư cơ sở;

b) Danh sách ứng viên đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS ở HĐCDGS cơ sở;

c) Phiếu thẩm định của các GS, PGS đối với từng ứng viên;

d) Bản trích ngang các tiêu chuẩn của các ứng viên;

đ)[19] 03 bộ hồ sơ của ứng viên đạt và 01 bộ hồ sơ của ứng viên không đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư ở Hội đồng Chức danh giáo sư cơ sở;

e) Biên bản kiểm phiếu và phiếu bầu của HĐCDGS cơ sở;

g) Biên bản chi tiết các cuộc họp của HĐCDGS cơ sở.

Điều 17. Báo cáo kết quả xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS tại HĐCGS ngành, liên ngành

1. Chủ tịch HĐCDGS ngành, liên ngành có trách nhiệm công bố công khai kết quả xét công nhận đạt và không đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS ở HĐCDGS ngành, liên ngành ít nhất 7 ngày trước khi báo cáo kết quả lên HĐCDGS nhà nước.

2. Hồ sơ báo cáo kết quả xét công nhận đạt tiêu chuẩn và không đạt tiêu chuẩn chức danh lên HĐCDGS nhà nước, gồm:

---

[18] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 30/2012/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2012.

[19] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 30/2012/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2012.

a)[20] Công văn báo cáo về kết quả xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư của Hội đồng Chức danh giáo sư ngành, liên ngành;

b) Danh sách ứng viên đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS ở HĐCDGS ngành, liên ngành;

c) Phiếu thẩm định hồ sơ của các GS, PGS đối với từng ứng viên;

d) Bản trích ngang các tiêu chuẩn của các ứng viên;

đ)[21] 01 bộ hồ sơ của các ứng viên đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư ở Hội đồng Chức danh giáo sư cơ sở, ngành, liên ngành;

e) Biên bản kiểm phiếu và phiếu bầu của HĐCDGS ngành, liên ngành;

g) Biên bản chi tiết các cuộc họp của HĐCDGS ngành, liên ngành.

Điều 18. Công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS

1. HĐCDGS nhà nước tổ chức thẩm định kết quả xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS của các HĐCDGS ngành, liên ngành. Căn cứ kết quả thẩm định, Chủ tịch HĐCDGS nhà nước ra quyết định công nhận đạt tiêu chuẩn và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS cho các ứng viên.

2. HĐCDGS cơ sở, HĐCDGS ngành, liên ngành không bảo lưu kết quả xét công nhận đạt từng phần hoặc toàn phần tiêu chuẩn chức danh GS hoặc PGS của ứng viên cho năm sau nếu trong đợt xét năm đó ứng viên chưa được HĐCDGS nhà nước công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS hoặc PGS.

Điều 19. Hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS, tước bỏ phong hoặc công nhận chức danh GS, PGS

1. Những người đã được Chủ tịch HĐCDGS nhà nước quyết định công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS hoặc PGS, nếu bị phát hiện và xác định là không đủ tiêu chuẩn hoặc vi phạm các quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 18 Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ thì bị hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS.

---

[20] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 30/2012/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2012.

[21] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 30/2012/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2012.

2. Những người đã được phong học hàm GS, PGS hoặc đã được công nhận chức danh GS, PGS trước ngày Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực thi hành, nếu bị phát hiện và xác định là không đủ tiêu chuẩn quy định tại thời điểm được phong, công nhận hoặc vi phạm các quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 18 Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ thì bị tước bỏ chức danh GS, PGS.

3. HĐCDGS nhà nước sử dụng hình thức bỏ phiếu kín để quyết nghị việc hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS, tước bỏ chức danh GS, PGS. Nghị quyết của HĐCDGS nhà nước chỉ có giá trị khi được từ 2/3 tổng số thành viên trở lên của Hội đồng bỏ phiếu tán thành.

Chương IV
BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM CHỨC DANH GIÁO SƯ, PHÓ GIÁO SƯ

Điều 20. Xác định nhu cầu bổ nhiệm chức danh GS, PGS

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học của cơ sở GDĐH; căn cứ nghị quyết của Hội đồng trường, đề nghị của khoa, bộ môn và ý kiến của Hội đồng khoa học của cơ sở GDĐH; căn cứ quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về cơ cấu đội ngũ giảng viên trong các cơ sở GDĐH, thủ trưởng cơ sở GDĐH xác định nhu cầu bổ nhiệm chức danh GS, PGS; thông báo công khai số lượng GS, PGS ở các ngành, chuyên ngành cần bổ nhiệm;

Điều 21. Hồ sơ đăng ký bổ nhiệm chức danh GS, PGS

1. Bản đăng ký xét bổ nhiệm chức danh GS hoặc PGS.

2. Quyết định công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS hoặc PGS do Chủ tịch HĐCDGS nhà nước cấp.

3. Quyết định bổ nhiệm chức danh GS hoặc PGS do người đứng đầu cơ sở GDĐH ở nước ngoài hoặc cấp có thẩm quyền ở nước ngoài cấp đối với nhà giáo đã được bổ nhiệm làm GS hoặc PGS tại một cơ sở GDĐH ở nước ngoài.

4. Các văn bản, giấy tờ cần thiết khác theo yêu cầu của cơ sở GDĐH.

Điều 22. Xét và đề nghị bổ nhiệm chức danh GS, PGS

1. Nhà giáo đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS hoặc đã được bổ nhiệm làm GS, PGS tại một cơ sở GDĐH nước ngoài có nguyện vọng được bổ nhiệm chức danh GS, PGS có thể nộp hồ sơ đăng ký xét bổ nhiệm chức danh GS, PGS tại một cơ sở GDĐH.

2[22]. Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học tổ chức thu nhận hồ sơ đăng ký xét bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, phân loại theo ngành, chuyên ngành, chuyển cho các khoa, bộ môn có nhu cầu để tổ chức xét bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư. Việc tổ chức xét bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương III của "Quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư" ban hành kèm theo Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2008 và được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 20/2012/QĐ-TTg ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

3.[23] Những người đã được bổ nhiệm giáo sư/phó giáo sư tại cơ sở giáo dục đại học ở nước ngoài, muốn được bổ nhiệm chức danh giáo sư/phó giáo sư tại cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam thì phải có số điểm công trình khoa học quy đổi ít nhất bằng số điểm quy định đối với ứng viên được công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư/phó giáo sư, trong đó ít nhất có 01 công trình khoa học được công bố trên tạp chí khoa học có uy tín quốc tế.

Việc tính quy đổi điểm các công trình khoa học của ứng viên phải được ít nhất 03 giáo sư hoặc phó giáo sư cùng ngành chuyên môn xem xét.

4.[24] Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học căn cứ nhu cầu bổ nhiệm chức danh giáo sư/phó giáo sư, xét đề nghị của khoa, bộ môn và ý kiến của Hội đồng khoa học và đào tạo của cơ sở giáo dục đại học để ra quyết định bổ nhiệm chức danh giáo sư/phó giáo sư cho các nhà giáo có đủ điều kiện. Việc tổ chức xét ở bộ môn, khoa và Hội đồng khoa học và đào tạo của cơ sở giáo dục đại học phải được ít nhất 2/3 tổng số thành viên tán thành.

---

[22] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 30/2012/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2012.

[23] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 30/2012/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2012.

[24] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 30/2012/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2012.

Sau thời hạn một tháng kể từ ngày ra quyết định bổ nhiệm, Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm báo cáo danh sách giáo sư/phó giáo sư mới được bổ nhiệm lên cơ quan chủ quản và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hồ sơ báo cáo lên cơ quan chủ quản cơ sở giáo dục đại học và Bộ Giáo dục và Đào tạo gồm: Biên bản họp Hội đồng khoa học của cơ sở giáo dục đại học, bộ môn, khoa kèm theo Biên bản họp xét đề nghị bổ nhiệm.

5. Trường hợp bổ nhiệm chức danh GS, PGS đối với ứng viên từ nơi khác chuyển đến, cơ sở GDĐH phải hoàn thiện quy trình thuyên chuyển, điều động hoặc tuyển dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

6.[25] Những giáo sư, phó giáo sư đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ nhiệm, khi thuyên chuyển đến nơi công tác mới thì không phải bổ nhiệm lại.

Điều 23. Miễn nhiệm chức danh GS, PGS

1. Những người đã bị hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS, bị tước bỏ học hàm hoặc chức danh GS, PGS thì đương nhiên bị miễn nhiệm chức danh GS, PGS trong các cơ sở GDĐH.

2.[26] Những người đã được bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư nhưng không hoàn thành nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều 5 của Quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư (ban hành kèm theo Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ) thì bị miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư.

Trình tự miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư thực hiện theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 21 của Quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư (ban hành kèm theo Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ) và khoản 12 Điều 1 của Quyết định số 20/2012/QĐ-TTg ngày 27 tháng 4 năm 2012 (sửa đổi, bổ sung khoản 3, 4 và 5 Điều 21 của Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg) của Thủ tướng Chính phủ.

---

[25] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 30/2012/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2012.

[26] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 30/2012/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2012.

Điều 24. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Việc giải quyết khiếu nại tố cáo về xét công nhận, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh GS, PGS thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo. Thủ trưởng cơ sở GDĐH, thủ trưởng cơ quan chủ quản của cơ sở GDĐH có thẩm quyền quản lý nhà giáo, HĐCDGS nhà nước phối hợp chặt chẽ với Thanh tra và các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tổ chức hữu quan khác để giải quyết kiếu nại, tố cáo.

2. Việc tổ chức họp lại để xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS, bỏ phiếu tín nhiệm lại cho ứng viên chỉ thực hiện khi có kết luận khẳng định bằng văn bản của HĐCDGS nhà nước là quá trình xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS đã vi phạm các quy định hiện hành.

Điều 25. Tổ chức thực hiện[27]

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 9 năm 2009.

Các ông (bà) Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các cơ quan chủ quản của cơ sở GDĐH có thẩm quyền quản lý nhà giáo, Chủ tịch HĐCDGS nhà nước, Thủ trưởng cơ sở GDĐH chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 02/VBHN-BGDĐT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 03 tháng 01 năm 2014

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Văn Ga

[27] Điều 2, Điều 3 của Thông tư số 30/2012/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2012, quy định như sau:

"***Điều 2.*** *Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2012.*

Bãi bỏ các quy định trước đây trái với quy định tại Thông tư này.

Điều 3. *Các ông (bà) Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các cơ quan chủ quản cơ sở giáo dục đại học có thẩm quyền quản lý nhà giáo, Chủ tịch Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước, Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này."*

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng